

Số: /BC-UBND

Bình Định, ngày tháng năm 2023

BÁO CÁO

Công tác quản lý nhà nước về khoáng sản và hoạt động khoáng sản năm 2022 trên địa bàn tỉnh Bình Định

Thực hiện theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ, UBND tỉnh Bình Định báo cáo công tác quản lý nhà nước về khoáng sản và hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh trong năm 2022 như sau:

I. CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KHOÁNG SẢN

1. Công tác ban hành văn bản quản lý và tuyên truyền phổ biến pháp luật về khoáng sản

a) Công tác ban hành văn bản quản lý

Trong năm 2022, UBND tỉnh đã ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành liên quan đến lĩnh vực khoáng sản như:

- Quyết định số 776/QĐ-UBND ngày 12/3/2022 phê duyệt Phương án bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn tỉnh Bình Định.

- Chỉ thị số 12/CT-UBND ngày 15/8/2022 về việc tiếp tục tăng cường quản lý nhà nước đối với hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh.

b) Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về khoáng sản

Trên cơ sở quy định pháp luật về khoáng sản và các văn bản quy phạm pháp luật, UBND tỉnh đã chỉ đạo các ngành chức năng của tỉnh phối hợp tổ chức tập huấn các quy định về khoáng sản, nhất là công tác bảo vệ khoáng sản chưa khai thác và trách nhiệm của chính quyền địa phương với nhiều hình thức khác nhau như: phối hợp với báo, đài phát thanh truyền hình, thông qua cổng thông tin điện tử của tỉnh, hội nghị và thực hiện việc biên soạn tài liệu đề hướng dẫn thực hiện.

2. Công tác lập, phê duyệt quy hoạch khoáng sản

Tiếp tục thực hiện công tác quản lý, cấp phép hoạt động khoáng sản theo Quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản tỉnh Bình Định đến năm 2020 định hướng đến năm 2030 thuộc thẩm quyền quản lý và cấp phép của UBND tỉnh (đã được phê duyệt tại Quyết định số 4046/QĐ-UBND ngày 27/12/2013, Quyết định số 4746/QĐ-UBND ngày 29/12/2015 và Quyết định số 28/2017/QĐ-UBND ngày 14/7/2017 của UBND tỉnh). Ngoài ra, UBND tỉnh đã chỉ đạo tích hợp Quy hoạch khoáng sản của tỉnh vào Quy hoạch tỉnh theo quy định của Luật Quy hoạch.

3. Công tác cấp phép hoạt động khoáng sản

a) Công tác tổ chức đấu giá quyền khai thác khoáng sản

Trong năm 2022, UBND tỉnh đã chỉ đạo xây dựng kế hoạch, phối hợp với các cơ quan, đơn vị và địa phương có liên quan khảo sát các điểm mỏ khoáng sản để lập kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản; qua đó, đã chấp thuận chủ trương cho phép lập kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản trong năm 2022 và 2023 đối với 54 điểm mỏ (bao gồm: Đá xây dựng: 03 điểm mỏ, trong đó đã có 01 điểm mỏ đã có kết quả thăm dò và 02 điểm mỏ chưa có kết quả thăm dò; Cát xây (cát sông): 08 điểm mỏ chưa có kết quả thăm dò; Cát tô: 01 điểm mỏ chưa có kết quả thăm dò; Đất làm vật liệu san lấp: 39 điểm mỏ, trong đó đã có kết quả thăm dò 05 điểm mỏ, chưa có kết quả thăm dò 34 điểm mỏ; Đất sét làm gạch ngói: 03 điểm mỏ chưa có kết quả thăm dò). Hiện nay, các cơ quan chức năng của tỉnh đang tổ chức triển khai các thủ tục để đấu giá quyền khai thác khoáng sản đối với các điểm mỏ trên theo quy định.

b) Công tác tiếp nhận, thẩm định hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản

- Việc tiếp nhận hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản và trả kết quả được thực hiện tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh Bình Định. Công tác thẩm định hồ sơ tuân thủ theo quy trình quy định tại Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ; thành phần hồ sơ được lập theo mẫu quy định tại Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản và các Quyết định của UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trên lĩnh vực địa chất và khoáng sản.

- Trong năm 2022, UBND tỉnh đã cấp 18 Giấy phép thăm dò khoáng sản; 16 Giấy phép khai thác khoáng sản các loại; 18 Quyết định phê duyệt trữ lượng khoáng sản; 33 Giấy phép gia hạn khai thác khoáng sản; 01 Quyết định thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản; 01 Giấy xác nhận khai thác khoáng sản trong khu vực có đầu tư xây dựng công trình; 01 Quyết định điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản và 01 Quyết định phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản.

Tính đến nay trên địa bàn tỉnh Bình Định có 143 Giấy phép khai thác khoáng sản còn hiệu lực (cụ thể: Đá vật liệu xây dựng thông thường có thu hồi đá khối làm đá ốp lát có 27 mỏ, đá vật liệu xây dựng thông thường (đá xay nghiền...) 26 mỏ, cát làm khuôn đúc 02 mỏ, cát nhiễm mặn 01 mỏ, cát sỏi lòng sông có 36 mỏ, đất san lấp 50 mỏ, đất sét 01 mỏ). Ngoài ra, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã cấp 06 giấy phép đối với các mỏ khoáng sản trên địa bàn tỉnh (còn hiệu lực); trong đó đá granite 03 giấy phép, titan 02 giấy phép, nước khoáng 01 giấy phép (*cụ thể như Phụ lục 37b đính kèm*).

c) Công tác thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản

UBND tỉnh đã ban hành 8 Quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác và phê duyệt tiền cấp quyền lòng ghép trong 25 giấy khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường với tổng số tiền phải nộp năm 2022 là 9,2 tỷ đồng.

4. Công tác thanh tra, kiểm tra xử lý vi phạm pháp luật về khoáng sản

Trong năm 2022, qua công tác thanh, kiểm tra định kỳ và đột xuất hàng năm, các cơ quan chức năng của tỉnh và chính quyền địa phương đã xử lý xử lý 26

trường hợp (với tổng số tiền phạt là 3.530.099.000 đồng ¹) khai thác khoáng sản trái phép, khai thác không đúng quy trình, gây ảnh hưởng môi trường. Ngoài ra, các cơ quan chức năng của tỉnh đã phối hợp với Đoàn công tác của Bộ Tài nguyên và Môi trường thanh tra, kiểm tra công tác hoạt động khoáng sản của các doanh nghiệp, qua đó đã xử lý 06 trường hợp vi phạm với số tiền là 430.000.000 đồng.

5. Công tác bảo vệ khoáng sản chưa khai thác

Căn cứ Luật Khoáng sản, Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ, Chỉ thị số 38/CT-TTg ngày 29/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 776/QĐ-UBND ngày 12/3/2022 phê duyệt Phương án bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn tỉnh Bình Định và Chỉ thị số 12/CT-UBND ngày 15/8/2022 về việc tiếp tục tăng cường quản lý nhà nước đối với hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh; theo đó đã giao trách nhiệm cụ thể đối với từng ngành và chính quyền địa phương trong việc quản lý khai thác khoáng sản và xử lý trình trạng khai thác khoáng sản trái phép đồng thời bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn. Qua việc triển khai các nội dung nêu trên, các cấp chính quyền đã nâng cao trách nhiệm, phát huy hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về khoáng sản tại địa phương.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KHOÁNG SẢN

1. Tình hình thăm dò khoáng sản

Trong 2022, UBND tỉnh đã cấp 18 Giấy phép thăm dò khoáng sản (*cụ thể như Phụ lục 37a đính kèm*). Công tác thăm định báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản được thực hiện đúng theo quy định tại Khoản 1 Điều 50 Luật Khoáng sản và Điều 35 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày /11/2016 của Chính phủ. Tất cả các Giấy phép thăm dò, khai thác khoáng sản sau khi được UBND tỉnh cấp phép cho doanh nghiệp đều được gửi về Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam và Cục Kiểm soát hoạt động khoáng sản miền Trung (thông qua hệ thống quản lý văn bản điều hành) để theo dõi, quản lý.

Đối với các tổ chức, cá nhân sau khi được UBND tỉnh phê duyệt trữ lượng trong báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản, các cơ quan chức năng của tỉnh đã hướng dẫn, yêu cầu các tổ chức, cá nhân thực hiện nộp lưu trữ địa chất tại Trung tâm Thông tin, lưu trữ và Tạp chí địa chất thuộc Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam theo quy định. Các kết quả thăm dò đều được sử dụng để lập dự án đầu tư xây dựng công trình mỏ.

- *Một số khó khăn và tồn tại của các tổ chức, cá nhân thăm dò khoáng sản:* Các tài liệu điều tra, khảo sát, thăm dò địa chất tại các khu vực có triển vọng khoáng sản rất ít và chủ yếu ở tỷ lệ nhỏ 1/200.000, 1/50.000. Do đó, khi bắt đầu

¹ Sở TNMT đã kiểm tra, phát hiện và xử phạt 02 trường hợp với tổng số tiền 87 triệu đồng; BQL KKT xử lý 05 trường hợp với số tiền 5,3 triệu đồng, có 01 trường hợp chuyển cơ quan CSĐT đang điều tra, xử lý; UBND các huyện, thị xã, thành phố: đã kiểm tra, phát hiện và xử phạt 62 trường hợp với tổng số tiền 2,4 tỷ đồng: Phù Cát 44 trường hợp (463 triệu đồng); Hoài Nhơn 01 trường hợp (405 triệu đồng); Tây Sơn 9 trường hợp (1.019 triệu đồng); Phù Mỹ 01 trường hợp (4 triệu đồng); Hoài Ân 6 trường hợp (478 triệu đồng); Vân Canh 01 trường hợp (29 triệu đồng).

triển khai đầu giá mỏ tại các khu vực chưa được thăm dò thì khó xác định giá trị khởi điểm của mỏ và thẩm quyền cấp phép khai thác sau này. Ngoài ra ngân sách của tỉnh còn hạn hẹp nên việc đầu tư cho công tác thăm dò còn nhiều khó khăn, cần có sự xã hội hóa trong việc thăm dò khoáng sản.

2. Tình hình khai thác khoáng sản

- *Đánh giá về những kết quả đạt được:* Giá trị công nghiệp khai thác khoáng sản chung trên địa bàn tỉnh trong năm 2022 đạt khoảng 864 tỷ đồng (chiếm 1,1% giá trị công nghiệp toàn tỉnh) tăng 1,67% so với năm 2021 (cụ thể như Phụ lục 37b).

Đa số các doanh nghiệp hoạt động khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh tuân thủ theo quy định của pháp luật về khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan; hoạt động khai thác khoáng sản trong diện tích mỏ được cấp phép, sử dụng đất đúng mục đích, cấm bảng thông tin về khu vực khai thác, thực hiện đúng quy trình, quy định của giấy phép, phù hợp với đề án khai thác được cơ quan chức năng thẩm định phê duyệt, thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường trong hoạt động khai thác.

- *Những khó khăn và tồn tại của các tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản:* Các khoản nghĩa vụ nộp cho ngân sách Nhà nước liên quan đến khai thác khoáng sản (thuế tài nguyên, phí BVMT, tiền cấp quyền, VAT, ...) trong cơ cấu chi phí lớn, dẫn đến giá thành tăng, đặc biệt là đối với vật liệu xây dựng, ảnh hưởng đến chi phí xây dựng công trình.

3. Tình hình thực hiện nghĩa vụ tài chính của tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản

Trong năm 2022, các doanh nghiệp hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản trên địa bàn tỉnh đã nộp ngân sách với số tiền là 260,37 tỷ đồng (tăng 2,1% so với năm 2021), cụ thể như sau:

<i>Đvt: VND</i>				
Tiền cấp quyền	Thuế TN	Phí BVMT	Tiền thuê đất	Thuế XK
46.133.259.577	52.343.172.229	25.039.136.565	63.555.113.458	73.300.877.767

Ngoài ra, còn có các khoản đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng cho địa phương trong khai thác khoáng sản,...

4. Công tác quản lý hoạt động thăm dò, khai thác cát sỏi lòng sông

- Theo quy hoạch khoáng sản trên địa bàn tỉnh theo Quyết định số 4046/QĐ-UBND ngày 27/12/2013 phê duyệt Điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản tỉnh Bình Định đến năm 2020 định hướng đến năm 2030 thuộc thẩm quyền quản lý và cấp phép của UBND và Quyết định số 28/2017/QĐ-UBND ngày 14/7/2017 về việc sửa đổi, bổ sung Quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản đất, cát làm vật liệu xây dựng thông thường trên địa bàn tỉnh, tổng cộng có 34 khu vực quy hoạch khai thác cát trên hệ thống sông chính như:

sông Kôn, sông Lại Giang, sông Hà Thanh và sông La Tinh với tổng diện tích là 10.148 ha, trữ lượng đạt 29,1 triệu m³.

- Trên cơ sở Quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản tỉnh Bình Định và nhằm tăng cường hơn nữa trong công tác quản lý hoạt động khai thác cát, sỏi và bảo vệ lòng, bờ bãi sông theo quy định tại Nghị định số 23/2020/NĐ-CP ngày 24/2/2020 của Chính phủ. Trong quá trình thực hiện thủ tục cấp phép cho các tổ chức, cá nhân thăm dò, khai thác cát, sỏi lòng sông, UBND tỉnh đã chỉ đạo các Sở, ngành chức năng và chính quyền địa phương tiến hành kiểm tra thực địa, đánh giá hiện trạng khu vực mỏ, sự ổn định của bờ sông khi tiến hành hoạt động khai thác tại khu vực mỏ. Ngoài ra, UBND tỉnh đã ban hành Văn bản số 5958/UBND-KT ngày 04/9/2020 về việc quy định về thời gian thực hiện hoạt động khai thác cát trong năm trên địa bàn tỉnh; theo đó, hoạt động khai thác cát trên địa bàn tỉnh chỉ được phép khai thác từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 15 tháng 9 hàng năm (không được khai thác trong mùa mưa bão); sau thời gian trên, các đơn vị khai thác phải hoàn thành việc thanh thải dòng chảy, thu dọn đường công vụ trên sông để chuẩn bị cho mùa mưa lũ.

- Công tác thẩm định báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản là mỏ cát sông được thực hiện chặt chẽ, thành viên Hội đồng thẩm định là đại diện của các cơ quan chức năng và các chuyên gia về địa chất khoáng sản của tỉnh kiểm tra, thẩm định cho ý kiến có độ chính xác, tin cậy cao; trong đó, đã đánh giá được điều kiện địa chất thủy văn và các yếu tố khác có khả năng ảnh hưởng của hoạt động khai thác đến dòng chảy theo quy định tại Thông tư số 01/2016/TT-BTNMT ngày 13/01/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, không chế chiều sâu tầng khai thác cát tối đa là 02m để đảm bảo an toàn bờ sông. Việc thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với các dự án khai thác cát, sỏi lòng sông đảm bảo chặt chẽ, tuân thủ các quy định pháp luật liên quan. Trong quá trình thẩm định hồ sơ đều có đánh giá các tác động của hoạt động khai thác đến lòng, bờ, bãi sông, các đối tượng chịu tác động khác xung quanh khu vực khai thác; từ đó đưa ra các giải pháp và phương án giảm thiểu tác động đến môi trường trong quá trình hoạt động khai thác cát, sỏi lòng sông.

Tính đến thời điểm cuối năm 2022, UBND tỉnh đã cấp 49 giấy phép khai thác cát sông làm vật liệu xây dựng thông thường (còn hiệu lực hoạt động là 36 giấy phép; 13 giấy phép hết hạn) trên 4 sông chính là sông Hà Thanh, sông Kôn, sông La Tinh và sông Lại Giang (hợp lưu của sông Kim Sơn và sông An Lão) cho 34 doanh nghiệp với tổng diện tích cấp phép 120,6ha, trữ lượng cấp phép đạt 3,8 triệu m³, công suất khai thác hằng năm theo thiết kế đạt 800.000m³/năm. Sản lượng khai thác thực tế của các doanh nghiệp năm 2022 là 361.460m³, tổng trữ lượng còn lại tại các mỏ trên là 3,4 triệu m³ (kể cả trữ lượng cát bồi lắng sau mùa mưa qua các năm) đáp ứng nhu cầu về vật liệu xây dựng thi công các công trình hạ tầng trên địa bàn tỉnh.

- Đối với các mỏ hết thời hạn khai thác, UBND tỉnh chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với các ngành chức năng và địa phương liên quan tổ chức

kiểm tra đánh giá hiện trạng mỏ, không gia hạn đối với các khu vực có dấu hiệu sạt lở bờ sông và không đảm bảo về môi trường.

III. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG NƠI KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

1. Công tác bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho tổ chức, cá nhân đang sử dụng đất bị thu hồi để thực hiện dự án khai thác khoáng sản: Căn cứ các quy định của pháp luật Đất đai, các doanh nghiệp khai thác khoáng sản tại khu vực thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh phải thỏa thuận với người sử dụng đất để chuyển nhượng, bồi thường tài sản và được UBND tỉnh cho thuê đất để khai thác khoáng sản. Hầu hết các mỏ khoáng sản trên địa bàn tỉnh được quy hoạch tại những vùng cách xa dân cư hoặc không có dân cư sinh sống trong khu vực mỏ nên trong thời gian qua chưa phải thực hiện tái định cư do ảnh hưởng việc khai thác khoáng sản.

2. Số lao động tham gia trong lĩnh vực hoạt động thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản: Trên địa bàn tỉnh Bình Định có 143 mỏ khoáng sản các loại đang khai thác và hơn 70 nhà máy chế biến đá (đá xay nghiền và đá ốp lát) đã thu hút trên 5.000 lao động; thu nhập bình quân của lao động khoảng 07 triệu đồng/người/tháng.

3. Xây dựng hạ tầng kỹ thuật: Đa số các mỏ khoáng sản đều xây dựng công trình giao thông từ khai trường ra đến hệ thống giao thông chính trong khu vực; đồng thời, các doanh nghiệp đều đóng góp kinh phí xây dựng cơ sở hạ tầng trong hoạt động khai thác khoáng sản cho địa phương theo quy định.

4. Xây dựng công trình công cộng (trường học, nhà trẻ.....): Tùy theo mức độ của dự án, hầu hết các đơn vị khai thác khoáng sản đều cam kết và thực hiện việc xây dựng các công trình công cộng và đóng góp kinh phí xây dựng cơ sở hạ tầng cho địa phương nơi có hoạt động khoáng sản theo quy định.

5. Bảo vệ môi trường trong khai thác và phục hồi môi trường sau khai thác khoáng sản: Các dự án khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh đều được các cơ quan cấp thẩm quyền phê duyệt hồ sơ môi trường (ĐTM hoặc Cam kết bảo vệ môi trường và đề án cải tạo phục hồi môi trường). Trước khi thực hiện các dự án khai thác khoáng sản, các doanh nghiệp phải thông báo nội dung cam kết môi trường trong khai thác khoáng sản tại khu vực mỏ và trụ sở UBND xã nơi có mỏ, thực hiện việc ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường theo quy định.

IV. THUẬN LỢI, KHÓ KHĂN TRONG CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC

1. Thuận lợi

- Công tác quản lý nhà nước về khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bình Định tiếp tục được UBND tỉnh Bình Định quan tâm, thường xuyên chỉ đạo các Sở, Ban ngành thực hiện nhiều biện pháp quản lý nhằm tăng cường hiệu quả công tác quản lý nhà nước về khoáng sản, nhất là công tác thu thuế tài nguyên khoáng sản. Công tác phối hợp giữa các ngành được nâng cao. Chính quyền địa phương đã tăng cường kiểm tra, xử lý các hoạt động khai thác khoáng sản trái phép trên địa bàn.

Qua đó, hoạt động khoáng sản của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh ngày càng đi vào nề nếp, tuân thủ các quy định của pháp luật về khoáng sản và góp phần quan trọng vào sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Công tác điều tra, cấp phép thăm dò khoáng sản, khai thác được thực hiện chặt chẽ, xác định tương đối chính xác trữ lượng làm cơ sở cho việc thẩm định, cấp giấy phép hoạt động khoáng sản và tính toán được giá trị mỏ, tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản tạo nguồn thu cho tỉnh.

- Công tác bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản được tăng cường, chú trọng. UBND tỉnh đã ban hành các quy định quản lý khoáng sản gắn với bảo vệ môi trường, công tác ký quỹ phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản được kiểm tra, giám sát thường xuyên.

2. Khó khăn và tồn tại

- Mặc dù công tác tìm kiếm, đánh giá tài nguyên khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bình Định đã được quan tâm nhưng do kinh phí còn hạn chế nên phát huy chưa cao. Do vậy số liệu đánh giá tổng thể về nhóm, loại khoáng sản cũng như các yếu tố liên quan đến điều kiện khai thác mỏ của từng nhóm, loại khoáng sản trên địa bàn tỉnh ở mức độ chính xác chưa cao, gây khó khăn cho công tác quy hoạch (nhất là quy hoạch các mỏ khoáng sản tiềm năng để phục vụ công tác đấu giá quyền khai thác khoáng sản) và quản lý khoáng sản.

- Việc cấp phép khai thác đất san lấp, cát lòng sông phải qua thăm dò, phê duyệt trữ lượng và đấu giá quyền khai thác khoáng sản nên mất nhiều thời gian để thực hiện các thủ tục, dẫn đến không đảm bảo tiến độ xây dựng công trình,

- Lực lượng cán bộ quản lý nhà nước về tài nguyên môi trường còn thiếu, đặc biệt ở cấp cơ sở nên chưa chú trọng công tác kiểm tra, giám sát việc bảo vệ môi trường trong quá trình khai thác khoáng sản.

3. Giải pháp thực hiện trong thời gian tới

- Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Chỉ thị số 38/CT-TTg ngày 29/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường quản lý nhà nước đối với hoạt động thăm dò, khai thác, chế biến, sử dụng và xuất khẩu khoáng sản, Chỉ thị số 12/CT-UBND ngày 15/8/2022 của UBND tỉnh về việc tiếp tục tăng cường quản lý nhà nước đối với hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh và Quyết định số 26/2019/QĐ-UBND ngày 05/7/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành quy chế phối hợp quản lý hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bình Định.

- Chỉ đạo các cơ quan chức năng tăng cường công tác kiểm tra, xử lý đối với các trường hợp khai thác, mua bán, vận chuyển trái phép khoáng sản; tăng cường thanh tra, kiểm tra hoạt động khoáng sản; kiểm tra hoạt động nạo vét, khơi thông luồng trên địa bàn tỉnh, kiên quyết xử lý những trường hợp vi phạm theo quy định.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý nhà nước đối với hoạt động thăm dò, khai thác và kê khai sản lượng khoáng sản khai thác; triển khai thực hiện Phương án bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn tỉnh.

- Tăng cường công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật về khoáng sản trong quần chúng nhân dân. Vận động quần chúng nhân dân tích cực tham gia phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc, phát hiện tố giác các hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực này để tham mưu xử lý theo quy định pháp luật.

V. KIẾN NGHỊ

Từ những nội dung nêu trên, UBND tỉnh có một số kiến nghị như sau:

1. Đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường kiến nghị Bộ Tài chính xem xét, có cơ chế chính sách phù hợp về kinh phí để thực hiện các công tác bảo vệ tài nguyên khoáng sản chưa khai thác cũng như hoạt động kiểm tra, xử lý, truy quét hoạt động khai thác khoáng sản trái phép.

2. Cát, sỏi lòng sông và đất san lấp là loại hình khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường sử dụng làm vật liệu để phục vụ xây dựng hạ tầng và dân sinh. Vì vậy, việc cấp phép khai thác cát phải thực hiện nhiều thủ tục như: thăm dò, phê duyệt trữ lượng và đấu giá quyền khai thác khoáng sản nên mất nhiều thời gian, không đảm bảo tiến độ xây dựng công trình. Do đó, kính đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét giảm thiểu quy trình cấp phép khai thác đối với loại khoáng sản này.

Ngoài ra, các con sông trên địa bàn tỉnh Bình Định đa số có lòng sông hẹp và thường cạn nước vào mùa khô (khoảng từ tháng 1 đến hết tháng 9 hàng năm), hoạt động khai thác cát được diễn ra tại các bãi bồi ven sông với quy mô nhỏ và phương pháp khai thác chủ yếu là sử dụng xe đào múc cát lên bãi tập kết cho khô nước rồi xúc lên xe vận chuyển khỏi mỏ. Đến ngày hết ngày 31/9 hàng năm các doanh nghiệp phải hoàn thành việc tháo dỡ đường công vụ và các công trình phụ trợ phục vụ khai thác cát trên bãi bồi lòng sông và san trả mặt bằng khu vực đã khai thác cát để không ảnh hưởng dòng chảy trên sông (tiêu thoát lũ vào mùa mưa bão). Vì vậy, việc lắp đặt trạm cân tại vị trí đưa khoáng sản nguyên khai ra khỏi khu vực khai thác đối với khai thác cát theo Khoản 2, Điều 42, Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ gặp nhiều khó khăn, các doanh nghiệp chưa bố trí được vị trí thích hợp để lắp đặt trạm cân cho phù hợp với điều kiện địa hình, điều kiện khai thác của mỏ và tăng chi phí đầu tư cho doanh nghiệp, đẩy giá thành vật liệu xây dựng thông thường lên cao làm tăng chi phí xây dựng công trình của các dự án. Đồng thời, với đặc điểm và quy mô khai thác cát nhỏ, lẻ tại các con sông trên địa bàn tỉnh việc bổ nhiệm giám đốc điều hành mỏ/01 mỏ theo đúng quy định của Luật Khoáng sản cũng phần nào gây khó khăn cho doanh nghiệp trong việc tìm kiếm nhân sự có đầy đủ điều kiện theo quy định.

Do đó, đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường báo cáo Chính phủ xem xét không áp dụng hình thức lắp đặt trạm cân và giảm tiêu chuẩn bổ nhiệm giám đốc điều hành mỏ tại các mỏ cát với quy mô, nhỏ lẻ như đặc thù các con sông trên địa bàn tỉnh Bình Định.

3. Tại Điểm d Khoản 3 Điều 62 của Luật Đất đai năm 2013 quy định: Nhà nước thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng đối

với “Dự án khai thác khoáng sản được cơ quan có thẩm quyền cấp phép, trừ trường hợp khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường, than bùn, khoáng sản tại các khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ và khai thác tận thu khoáng sản”. Như vậy Nhà nước chỉ thu hồi đất đối với các dự án khai thác khoáng sản do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp phép; đối với các dự án khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường do UBND tỉnh cấp phép Nhà nước không thu hồi đất. Do đó khi được cấp phép khai thác khoáng sản đối với những khu vực đất đã giao và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân thì doanh nghiệp phải tự thỏa thuận bồi thường với người dân để nhận chuyển nhượng hoặc thuê lại đất khai thác khoáng sản, đồng thời phải thực hiện thủ tục thuê đất và nộp tiền thuê đất cho Nhà nước nên rất khẩn và dẫn đến tăng chi phí sản xuất. Vì vậy, đối với các mỏ cấp qua hình thức đấu giá quyền khai thác khoáng sản hoặc phục vụ các công trình ngân sách nhà nước thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh, đề nghị có cơ chế nhà nước thu hồi đất để đẩy nhanh tiến độ bồi thường, GPMB, thuê đất khai thác khoáng sản.

Trên đây là báo cáo công tác quản lý nhà nước về khoáng sản và hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Bình Định trong năm 2022, kính báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường biết, chỉ đạo thực hiện./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Khoáng sản Việt Nam;
- CT, PCT TT: N.T.Thanh;
- Sở TNMT;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K4.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Tuấn Thanh

Mẫu số :

BẢNG SỐ LIỆU TỔNG HỢP VỀ GIẤY PHÉP THĂM DÒ KHOÁNG SẢN CÒN HIỆ
(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày / /2023 của UBND tỉnh Bình Định)

STT	Số giấy phép	Ngày cấp	Loại khoáng sản	Tên đơn vị được cấp phép	Vị trí hành chính khu vực thăm dò	Diện tích thăm dò (ha)
I	Giấy phép thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường					
1	1507/GP-BTNMT	18/6/2019	Nước nóng thiên nhiên	Công ty CP Điện địa nhiệt Lioa	Tại Hội Vân, xã Cát Hiệp, huyện Phù Cát	140
II	Giấy phép do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định cấp					
1	19/GP-UBND	03/4/2020	Đá VLXDTT	Công ty TNHH MTV Bảo Thắng Bình Định	xã Cát tường, huyện Phù cát	2,41
2	75/GP-UBND	24/9/2020	Đá VLXDTT	Công ty TNHH Thuận Đức 4	núi Bằng Tranh, xã An Hòa, An Lão	3,50
3	62/GP-UBND	03/6/2021	Cát xây dựng	Công ty TNHH Tân Lập	Sông An Lão, xã Ân Mỹ, huyện Hoài Ân	1,94
4	76/GP-UBND	06/7/2021	Cát xây dựng	Công ty CP Becamex	Sông Hà Thanh, xã Canh Hiền, huyện Vân Canh	1,00
5	136/GP-UBND	25/11/2021	Cát xây dựng	Công ty TNHH Bá Sanh Đường	Phường Hoài Xuân, thị xã Hoài Nhơn	4,35
6	137/GP-UBND	25/11/2021	Cát xây dựng	Công ty TNHH Xây dựng Thành Hương	Phường Hoài Hương, thị xã Hoài Nhơn	1,45
7	13/GP-UBND	24/2/2021	Đất san lấp	Công ty TNHH XD TM DVVT Hồng Hanh	xã Cát Hanh, Phù Cát	1,50
8	83/GP-UBND	06/8/2021	Sét gạch ngói	Công ty TNHH SX VLXD Tà Súc	xã Vĩnh Quang, huyện Vĩnh Thạnh	1,79

9	84/GP-UBND	06/8/2021	Sét gạch ngói	Công ty TNHH SX Gạch Vĩnh Thạnh	xã Vĩnh Quang, huyện Vĩnh Thạnh	2,45
10	128/GP- UBND	10/11/2021	Đất san lấp	Công ty TNHH TC Bình Định	xã Phước Mỹ, TP.Quy Nhơn	16,79
11	11/GP-UBND	14/01/2022	Đất san lấp	Công ty TNHH Sản xuất dịch vụ thương mại Như Ý	xã Phước Mỹ, TP.Quy Nhơn	4,79
12	15/GP-UBND	18/01/2022	Đất san lấp	Công ty TNHH XD TH Trang Thủy	xã Bình Thuận, huyện Tây Sơn	2,24
13	34/GP-UBND	22/2/2022	Đất san lấp	DNTN XD TH Anh Tuyền	Cát Hiệp, Phù Cát	2,00
14	36/GP-UBND	06/4/2022	Sét gạch ngói	Công ty CP Đầu tư G9 Việt Nam	Canh Hiệp, Vân Canh	4,00
15	41/GP-UBND	14/4/2022	Đất san lấp	Công ty TNHH Sản xuất dịch vụ thương mại Lộc Hà	Tây Thuận, Tây Sơn	3,58
16	43/GP-UBND	21/4/2022	Đất san lấp	Công ty TNHH XD Thành Hương	Hoài Mỹ, Hoài Nhơn	5,00
17	47/GP-UBND	29/4/2022	Cát xây dựng	Công ty TNHH MTV Gia Hưng Quốc Thịnh	xã Ân Đức, xã Ân Thạnh, huyện Hoài Ân	2,75
18	53/GP-UBND	14/5/2022	Cát xây dựng	Công ty TNHH Thương Thương Nguyễn	xã Tây Thuận, Tây Sơn	12,00
19	54/GP-UBND	14/5/2022	Cát xây dựng	Công ty TNHH Thương Thương Nguyễn	xã Tây Thuận, Tây Sơn	10,00
20	63/GP-UBND	24/5/2022	Cát xây dựng	Công ty TNHH TVTKXD Quy Nhơn	xã Canh Hiền, xã Canh Hiệp, huyện Vân Canh	2,00
21	65/GP-UBND	24/5/2022	Cát xây dựng	Công ty TNHH TM DV&SX Trường Sơn	xã Ân Nghĩa, Hoài Ân	1,21
22	68/GP-UBND	26/5/2022	Đất san lấp	Công ty TNHH MTV ĐT&PT kho bãi Nhơn Tân	xã Phước Mỹ, Quy Nhơn	60,70
23	75/GP-UBND	17/6/2022	Đất san lấp	Công ty TNHH TVXD Cát Thành	xã Tây Giang, Tây Sơn	7,16
24	76/GP-UBND	17/6/2022	Đất san lấp	Công ty TNHH TVTKXD Quy Nhơn	xã Tây Thuận, Tây Sơn	11,80

25	77/GP-UBND	20/6/2022	Cát tô	Công ty TNHH TMXDTH Khánh Hưng	xã Cát Hải, Phù Cát	4,90
26	96/GP-UBND	25/7/2022	Đất san lấp	Công ty TNHH Tân Lập	xã Cát Tường, Phù Cát	1,45
27	136/GP-UBND	28/10/2022	Đất san lấp	Công ty TNHH Phú Gia Riverside	KV 8, Bùi Thị Xuân, Quy Nhơn	19,57
28	137GP-UBND	04/11/2022	Đất san lấp	Công ty TNHH Phú Gia Riverside	KV 8, Bùi Thị Xuân, Quy Nhơn	19,43

37a

U LỰC

 $\dot{y}_{inh})$

Ghi chú
chưa có kết quả thăm dò
Đã phê duyet trữ lượng
Đã có báo cáo kết quả thăm dò và trình Bộ TN&MT có ý kiến về trữ lượng
Đã phê duyet trữ lượng
Đã phê duyet trữ lượng
Đã phê duyet trữ lượng
Đã phê duyet trữ lượng
Đã phê duyet trữ lượng

Đã phê duyet trữ lượng
Đã phê duyet trữ lượng
Đã phê duyet trữ lượng
Đã phê duyet trữ lượng

Mẫu số 37b

BẢNG SỐ LIỆU TỔNG HỢP VỀ GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN CÒN HIỆU LỰC

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày / /2023 của UBND tỉnh Bình Định)

STT	Số giấy phép	Ngày cấp	Loại khoáng sản	Tên đơn vị được cấp phép	Công suất khai thác (m3/năm)	Sản lượng khai thác năm 2022	Trữ lượng còn lại	Ghi chú
I	Giấy phép thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường							
1	438/GP-BTNMT	14/4/2003	Đá VLXDTT	Công ty Thực phẩm - XNK Lam Sơn	25.000	0	196.928	Dừng hoạt động
2	1847/GP-BTNMT	21/11/2007	Đá granite	Công ty Cổ phần Khoáng sản Thiên Đức	2.000	0	40.000	Chưa khai thác
3	1653/GP-BTNMT	25/6/2015	Đá VLXDTT có thu hồi đá khối làm đá ốp lát	Công ty TNHH Hoàn Cầu – Granite	10.000	872	179.885	Đang hoạt động
4	702/GP-BTNMT	19/4/2011	Sa khoáng titan	Công ty CP KS&TM Bình Định	14.000 tấn khoáng vật nặng/năm	0		Không triển khai, trả lại giấy phép
5	359/GP-BTNMT gia hạn	19/12/2022	Sa khoáng titan	Công ty CP Khoáng sản Bình Định	35.000 tấn khoáng vật nặng/năm	0		

6	182/GP-BTNMT gia hạn	08/10/2020	Nước khoáng	Công ty CP Nước khoáng Quy Nhơn	180m ³ /ngày	-		Đang hoạt động
II	Giấy phép do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định cấp							
1	79/GP-UBND	11/11/2010	Đá VLXDTT có thu hồi đá khối	Công ty TNHH Hoàn Cầu – Granite	20.000	468	366.565	
2	66/GP-UBND	22/6/2011	Đá VLXDTT có thu hồi đá khối		28.000 - Đá khối: 20.000 - Đá chẻ: 8.000	0		Dừng khai thác
3	21/GP-UBND	05/5/2016	Đá VLXDTT có thu hồi đá khối		35.000	3.035	1.028.772	
4	24/GP-UBND	06/5/2016	Đá VLXDTT có thu hồi đá khối		126.916	592	4.225.176	
5	41/GP-UBND	10/5/2011	Đá VLXDTT có thu hồi đá khối làm đá ốp lát		Đá khối: 4.000 ; Đá cubic trang trí, lát nền: 3.000 ; Đá chẻ: 3.000	0	200.000	

6	47/GP-UBND	01/6/2011	Đá VLXDTT có thu hồi đá khối làm đá ốp lát	Công ty Cổ phần Phú Tài	Đá khối: 10.000 ; Đá cubic, đá mỹ nghệ: 15.000 ; Đá VLXDTT: 60.000 ;	30.308	2.042.993	
7	49/GP-UBND	14/5/2021	Đá VLXDTT có thu hồi đá khối làm đá ốp lát		Đá khối: 6900 ; Đá VLXD TT 46.000, đất phủ 19.867	0	2.038.801	
8	51/GP-UBND (QĐ 1989 điều chỉnh GP)	25/5/2020	Đá VLXDTT có thu hồi đá khối làm đá ốp lát	Công ty TNHH Thuận Đức 4	6.670	118	110.360	
9	25/GP-UBND	21/3/2018	Đá VLXDTT có thu hồi đá khối làm đá ốp lát		30.000	1.921	1.043.920	

10	57/GP-UBND	17/6/2011	Đá VLXDTT có thu hồi đá khối làm đá ốp lát	Công ty TNHH Nam Á	- Đá khối: 3.500 - Đá cubit: 1.510	1.628	76.135	
11	65/GP-UBND	22/6/2011	Đá VLXDTT có thu hồi đá khối làm đá ốp lát	Công ty TNHH Đông Á	45.000	69.076	4.275.910	
12	06/GP-UBND	06/02/2017	Đá VLXDTT có thu hồi đá khối làm đá ốp lát		3.600	42.075	1.028.339	
13	99/GP-UBND	07/9/2021	Đá VLXDTT có thu hồi đá khối	Công ty TNHH Tân Long gratnit	- Đá khối: 26.300 - Đá chẻ: 2.800	16.913	1.119.138	
14	77/GP-UBND	30/6/2011	Đá VLXDTT có thu hồi đá khối	Công ty TNHH TM&DV Kim Khánh	6.500	150	107.942	

15	61/GP-UBND	17/10/2012	Đá VLXDTT có thu hồi đá khối làm đá ốp lát	Công ty TNHH SXTM Toàn Cầu	9.000	12.233	255.700	
16	29/GP-UBND	06/6/2016	Đá VLXDTT có thu hồi đá khối làm đá ốp lát	Công ty TNHH MTV Bảo Thắng Bình Định	13.484	1.883	439.502	
17	17/GP-UBND	05/4/2017	Đá VLXDTT có thu hồi đá khối làm đá ốp lát	Công ty TNHH MTV Khoáng sản Tuấn Đạt	95.000	15.861	2.318.244	
18	24/GP-UBND (4526/QĐ-UBND)	04/5/2017 (30/10/20)	Đá VLXDTT có thu hồi đá khối làm đá ốp lát	Công ty CP VRG Đá Bình Định	28.000	25.968	793.475	
19	43/GP-UBND	15/8/2017	Đá VLXDTT có thu hồi đá khối làm đá ốp lát	Công ty TNHH Tân	5.000	0	54.563	

20	27/GP-UBND (GH 55/GP-UBND)	04/5/2019 (GH 26/5/2021)	Đá VLXDTT có thu hồi đá khối làm đá ốp lát	Trung Nam	11.000 ; Đá chẻ: 9.000	7.260	61.365	
21	40/GP-UBND	15/6/2018	Đá VLXDTT có thu hồi đá khối làm đá ốp lát	Công ty CP Sản xuất đá Granite Phú Minh Trọng	35.000	0	1.287.908	
22	67/GP-UBND (Cấp lại)	28/9/2018	Đá VLXDTT có thu hồi đá khối làm đá ốp lát	Công ty TNHH Hùng Vương	51.600	6.998	1.814.533	
23	60/GP-UBND	15/8/2019	Đá VLXDTT có thu hồi đá khối làm đá ốp lát	Công ty CP Đầu tư và Thương mại Viễn Dương	Đá khối: 3.000 Đá VLXDTT: 26.500 Đất phủ: 10.688	908	446.647	

24	61/GP-UBND	15/8/2019	Đá VLXDTT có thu hồi đá khối làm đá ốp lát	Công ty TNHH Đức Minh	Đá khối: 3.000 Đá VLXDTT: 22.000 Đất phủ: 2.371	0	809.556	
25	85/GP-UBND	29/10/2020	Đá VLXDTT có thu hồi đá khối làm đá ốp lát	Công ty CP Bê tông Hưng Thịnh Bình Định	91.563	0	1.950.401	
26	93/GP-UBND	18/8/2021	Đá VLXDTT có thu hồi đá khối làm đá ốp lát	Công ty TNHH Trường Hưng	Đá khối: 6.377 ; Đá VLXD TT 38.623, đất phủ 9.865	0	1.633.180	
27	23/QĐ-UBND(Điều chỉnh tại QĐ 1407/QĐ-UBND 27/4/2018)	23/4/2008	Đá VLXDTT	Công ty TNHH Xây dựng Thuận Đức	165.000	165.000	88.247	
28	55/GP-UBND	05/8/2009	Đá VLXDTT	HTX Sản xuất Đá xây dựng Bình Đê	85.000	85.000	101.650	

29	28/GP-UBND (Điều chỉnh tại QĐ 4045/QĐ- UBND 09/11/2015)	05/4/2010	Đá VLXDTT	Công ty Cổ phần Phú Tài	176.500	260.262	4.003.710	
30	50/GP-UBND	13/6/2011	Đá VLXDTT	Công ty TNHH 28/7 Bình Định	47.058	25.399	934.601	
31	53/GP-UBND	16/6/2011	Đá VLXDTT có thu hồi đá khối làm đá ốp lát	Công ty TNHH TM Hoài Mỹ	40.000	26.000	1.088.314	
32	59/GP-UBND	03/12/2012	Đá VLXDTT	Công ty TNHH Tấn Phát	45.000	95.616	3.395.995	
33	06/GP-UBND	14/01/2013	Đá VLXDTT	Công ty CP VRG Đá Bình Định	35.000	89.986	933.881	
34	37/GP-UBND	06/6/2013	Đá VLXDTT	Công ty TNHH Xây dựng Trường Thịnh	136.180	21.147	1.502.209	
35	56/GP-UBND	01/11/2013	Đá VLXDTT	Công ty TNHH XD TH Kim Thành	10.000	5.837	159.950	
36	53/GP-UBND	9/12/2013	Đá VLXDTT	Công ty TNHH H.N	40.000	46.464	727.678	
37	02/GP-UBND	07/01/2014	Đá VLXDTT	Công ty TNHH Khoáng sản Thủy Tiên	488.000	0	14.045.220	
38	11/GP-UBND	28/02/2014	đá VLXD TT	Công ty TNHH A&B	41.500	17.416	11.050.696	

39	18/GP-UBND	18/3/2014	Đá VLXDTT	Công ty TNHH Khoáng sản Hữu Bích	56.000	0	1.325.194	
40	28/GP-UBND	28/4/2014	Đá VLXDTT	Công ty CP QL& XD Đường bộ BĐ	25.000	28.750	551.467	
41	4563/QĐ- UBND điều chỉnh giấy phép	15/11/2021	Đá VLXDTT	Công ty CP VLXD Mỹ Quang	190.000	252.380	634.371	
42	20/GP-UBND	26/4/2016	Đá VLXDTT	Công ty CP Khoáng sản và Xây lắp Nhơn Hòa	40.000	44.483	960.943	
43	05/GP-UBND	25/01/2017	Đá VLXDTT	Công ty TNHH TM&DV TH Thanh Xuân	105.000	0	3.277.175	
44	34/GP-UBND	28/6/2017	Đá VLXD TT	Công ty TNHH Khai thác đá và Xây dựng Ánh Sinh	70.000	147.321	663.233	
45	01/GP-UBND	11/01/2018	Đá VLXDTT	Công ty TNHH TMDV Vận Tải Nhật Duy	56.470	56.453	1.553.897	
46	125/GP-UBND	03/11/2022	Đá VLXDTT	Công ty CP KS Nguyên Thịnh Quy Nhơn	115.000	11.891	3.398.021	
47	65/GP-UBND	25/9/2018	Đá VLXDTT	Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và TM Yến Tùng	100.000	20.000	220.557	
48	120/GP-UBND	22/9/2022	Đá VLXDTT		52.602	0	52.602	

49	06/GP-UBND (điều chỉnh)	25/01/2019	Đá VLXDTT	Công ty TNHH Xây dựng tổng hợp An Bình	180.000			
50	44/GP-UBND	11/5/2021	Đá VLXDTT	Công ty CP Trường Thành Đại Phát	48.000	0	1.213.785	
51	145/GP-UBND	16/12/2021	Đá VLXDTT	Công ty TNHH Khai thác Nguyên Tường	67.500	27.492	634.468	
52	09/GP-UBND	03/02/2021	Đá VLXDTT	Công ty TNHH khai thác và chế biến Khoáng sản Mỹ Thịnh	66.667	49.814	211.348	
53	121/GP-UBND	22/9/2022	Đá VLXDTT	Công ty TNHH XDTH Hiếu Ngọc	55.702	-	55.702	
54	94/GP-UBND (gia hạn)	19/8/2021	Cát XDTT	Công ty TNHH SXTM&DV Như Ý	10.000	4.590	37.451	
55	57/GP-UBND (gia hạn)	17/5/2022	Cát XDTT	DNTN Thành Sơn	10.000	9.268	55.816	
56	87/GP-UBND	08/7/2022	Cát XDTT	Công ty TNHH ĐT& Xây dựng Tường Duy	15.000	3.000	8.155	
57	69/GP-UBND	30/6/2021	Cát XDTT		15.714	13.500	46.068	
58	07/GP-UBND (gia hạn)	13/01/2022	Cát XDTT	Công ty TNHH Đắc Tài	10.000	9.920	52.580	
59	08/GP-UBND (gia hạn)	13/01/2022	Cát XDTT	Công ty TNHH Xây dựng Tuấn Phong	10.000	9.980	31.209	
60	16/GP-UBND (gia hạn)	25/01/2022	Cát XDTT	Công ty TNHH XD Thành Hương	27.000	7.500	190.517	
61	112/GP-UBND (gia hạn)	19/10/2021	Cát XDTT		10.000	15.050	9.950	

62	89/GP-UBND gia hạn	04/10/2019	Cát XDTT	Công ty TNHH Gạch không nung Phương Thảo	10.000	3.623	92.456	
63	46/GP-UBND (gia hạn)	28/4/2022	Cát XDTT	Công ty TNHH Xây Dựng Tổng hợp Hiếu Ngọc	13.000	14.019	33.805	
64	03/GP-UBND (gia hạn)	07/01/2022	Cát XDTT	Công ty TNHH Tân Thịnh	12.500	12.500	105.864	
65	01/GP-UBND	07/01/2022	Cát XDTT	Công ty TNHH TM& XD Khôi	30.500	26.318	152.719	
66	10/GP-UBND	14/4/2022	cát tô		190.028	0	190.028	
67	157/GP-UBND	02/12/2022	Cát XDTT	Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Thành Danh	3.262	565	5.960	
68	134/GP-UBND gia hạn	25/10/2022	Cát XDTT	Công ty TNHH XNK Thành Châu	26.000	0	261.122	
69	106/GP- UBND (gia hạn)	12/7/2022	Cát XDTT	Công ty TNHH TM&DV Duy Hiệp	10.000	0	8.500	
70	05/GP-UBND gia hạn	17/01/2023	Cát XDTT	Công ty CP Đầu tư Năng Ban Mai	12.500	0	54.600	
71	99/GP-UBND gia hạn	29/7/2022	Cát XDTT	Công ty TNHH Xây dựng Tấn Thành	10.000	6.623	39.725	
72	149/GP-UBND gia hạn	22/11/2022	Cát XDTT	Công ty TNHH Thương mại du lịch Bá Ngọc	10.000	0	35.380	

73	152/GP-UBND gia hạn	28/11/2022	Cát XDTT	Công ty TNHH Thiên Hung Mỹ Thọ	30.000	57.278	41.472	
74	110/GP-UBND gia hạn	26/8/2022	Cát XDTT	Công ty TNHH An Phước	10.000	6.669	6.846	
75	52/GP-UBND gia hạn	01/7/2020	Cát XDTT	Công ty CP ĐT Phú Hung Hà Nội	100.000	91.302	515.381	
76	148/GP-UBND gia hạn	22/11/2022	Cát XDTT	Công ty TNHH Xăng dầu Thảo Chung	13.500	0	65.072	
77	109/GP-UBND gia hạn	25/8/2022	Cát XDTT	Công ty TNHH Quốc Nghề	9.786	7.120	27.762	
78	12/GP-UBND gia hạn	09/02/2023	Cát XDTT	Công ty TNHH DV TM Ngọc Lâm	11.561	14.126	29.433	
79	86/GP-UBND	29/10/2020	Cát XDTT	Công ty TNHH XD TH Minh Hiếu	11.000	13.000	18.472	
80	129/GP-UBND	16/11/2021	Cát XDTT	Công ty TNHH TMVT Xăng dầu Lan Anh	9966	5.000	45.000	
81	132/GP-UBND	16/11/2021	Cát XDTT		9.964	5.000	45.000	
82	138/GP-UBND	26/11/2021	cát khuôn đúc	Công ty TNHH Thuận Phát	49.000	2.330	523.049	
83	23/GP-UBND	05/4/2019	cát khuôn đúc		34.000	7.000	281.544	
84	56/GP-UBND	17/5/2022	Cát XDTT	Công ty TNHH Thiết kế XD Phú Khang	Năm 1: 9678 năm 2: 11972	200	197.817	

85	64/GP-UBND	24/5/2022	Cát XDTT	Công ty TNHH TM Tổng hợp Minh Huệ	Năm 1: 17521 năm 2: 19333	11.069	76.962	
86	130/GP-UBND	06/10/2022	Cát XDTT	Công ty TNHH Gia Hưng Quốc Thịnh	Năm 1: 10010 năm 2: 10344	0	48.398	
87	111/GP-UBND	27/8/2022	Cát XDTT	Công ty CP Nội thất và VLXD Kiểu Việt	Năm 1: 16.1989 năm 2: 22000	0	61.380	
88	145/GP-UBND	22/11/2022	Cát XDTT	Công ty TNHH Xây dựng Tín Nghĩa	11.000	0	40.000	
89	146/GP-UBND	22/11/2022	Cát XDTT	Công ty TNHH Xây dựng Vạn Sơn	11.000	0	64.000	
90	147/GP-UBND	22/11/2022	Cát XDTT	Công ty TNHH ĐTXDTH Hoàng Phát	11.000	0	40.000	
91	172/GP-UBND	26/12/2022	Cát XDTT	Công ty TNHH TMDVTH Thương Tín	14.000	0	14.000	
92	116/GP-UBND	16/9/2022	Cát, đất lẫn tạp chất	Công ty TNHH Xây dựng Thành Hương	115.819	0	272.457	
93	119/GP-UBND	16/9/2022	Đất, cát nhiễm mặn	Công ty TNHH Thiên Kim Bình Định	20.813	5.090	32.342	
94	60/GP-UBND	12/9/2018	đất san lấp	Công ty TNHH Khải Hoàn Bình Định	95.000	0	275.268	
95	144/GP-UBND	16/12/2021	đất san lấp	Công ty TNHH SX TM&DV Như Ý	30.000	15.590	65.174	
96	10/GP-UBND	21/02/2019	đất san lấp	Công ty TNHH Xuân Chiến	96.050			hết hạn GP

97	31/GP-UBND gia hạn	13/4/2021	đất san lấp	Công ty TNHH TPV	90.000	67.000		
98	81/GP-UBND	08/06/2021	đất san lấp	Công ty TNHH XD&CN Nam Ngân	204.034	106.046		
99	67/GP-UBND	22/6/2021	đất san lấp	Công ty TNHH XD Thủy Dương	80.000			
100	57/GP-UBND	08/08/2019	đất san lấp	Công ty TNHH An Trường	95.000			
101	79/GP-UBND	16/9/2019	đất san lấp	Công ty TNHH Vân tải Thương mại Thanh Tâm	80.000	63.753	89.168	
102	09/GP-UBND	02/3/2020	đất san lấp	Công ty TNHH XD Phúc Nghĩa	45.000	31.845	27.016	
103	13/GP-UBND	13/5/2020	đất san lấp	Công ty TNHH XD TMTTH Thịnh Hưng	25.083			
104	54/GP-UBND	13/7/2020	đất san lấp	Công ty TNHH SX TH Thành Đạt	60.000	20.681	44.140	
105	76/GP-UBND	01/10/2020	đất san lấp	Công ty TNHH XD TH Lý An	25.000	20.681	44.140	
106	78/GP-UBND	01/10/2020	đất san lấp	Công ty TNHH Công nghê và Xây dựng Nam Ngân	270.000			
107	83/GP-UBND	29/10/2020	đất san lấp	Công ty TNHH Tổng hợp HTC	40.000	38.784	69340	
108	87/GP-UBND	30/10/2020	đất san lấp	Công ty CP Xây dựng TC Bình Định	80.000	0	280398	
109	2333/QĐ- UBND điều chỉnh giấy phép	11/6/2021	đất san lấp		89.632			

110	96/GP-UBND	11/12/2020	đất san lấp	Công ty TNHH Xây dựng Tấn Thành	307.058			
111	46/GP-UBND	13/5/2021	đất san lấp		133.401			
112	33/GP-UBND	17/3/2022	đất san lấp		68.957			
113	139/GP-UBND	27/11/2021	đất san lấp		142.616			
114	138/GP-UBND	04/11/2022	đất san lấp		52.116			
115	97/GP-UBND	14/12/2020	đất san lấp	Công ty TNHH Kỹ thuật Nam Thiên Long	62.500			hết hạn GP
116	102/GP-UBND	14/12/2020	đất san lấp	Công ty TNHH TM Thế Sang	51.000			
117	19/GP-UBND	17/3/2021	đất san lấp	Công ty TNHH XD TH Sinh Lợi	25.000			
118	55/GP-UBND	14/5/2022	đất san lấp	Công ty TNHH Hồng Phúc	60.000			hết hạn GP
119	126/GP-UBND	10/03/2022	đất san lấp	Công ty TNHH SX & TM Trọng Phát	39.758	14.000	21075	
120	75/GP-UBND	06/7/2021	đất san lấp	Công ty TNHH XD Phú Phong	67.744			
121	88/GP-UBND	12/8/2021	đất san lấp	Công ty TNHH XD Thuận Đức	467.121	396.389	16.045	
122	122/GP-UBND	28/10/2021	đất san lấp		44.132	32.021	8.936	
123	77/GP-UBND	01/10/2020	đất san lấp		200.000			
124	26/GP-UBND	18/02/2022	đất san lấp		812.395	273.602	989.589	
125	12/GP-UBND	24/2/2021	đất san lấp		115.000	97.550	186.081	

126	101/GP-UBND	23/9/2021	đất san lấp	Công ty TNHH XDTH Hiếu Ngọc	100.000	66.381	33.619	
127	86/GP-UBND	07/08/2022	đất san lấp		215.502	47.836	174.300	
128	115/GP-UBND	22/10/2021	đất san lấp	Công ty TNHH XD Đình Phát	229.892	175.230	96.609	
129	59/GP-UBND	17/5/2022	đất san lấp		465.116			
130	105/GP-UBND	9/78/2022	đất san lấp	Công ty TNHH Nhật Minh	507.351			
131	121/GP-UBND	28/10/2021	đất san lấp	Công ty TNHH Hải Dương	243.994			
132	127/GP-UBND	28/10/2021	đất san lấp	Công ty TNHH XD Hồng Châu	15.000			
133	131/GP-UBND	16/11/2021	đất san lấp	Công ty TNHH TVXD Phong Phú	62.000	37.870	152.932	
134	148/GP-UBND	22/12/2021	đất san lấp	Công ty TNHH XD An kim	30.000			
135	66/GP-UBND gia hạn	19/08/2020	đất san lấp	Công ty TNHH XDTH Thành Tài	92.120			
136	70/GP-UBND	06/01/2022	đất san lấp		299.023			
137	37/GP-UBND	04/08/2022	đất san lấp	Công ty TNHH Tân Lập	320.000			
138	60/GP-UBND	17/5/2022	đất san lấp	Công ty CP Tập đoàn Đèo Cả	458.600			
139	117/GP-UBND	16/9/2022	đất san lấp	Công ty TNHH XD TH Minh Hiếu	76.860	-	130.320	
140	118/GP-UBND	16/9/2022	đất san lấp		239.580	-	372.227	

141	139/GP-UBND	11/04/2022	đất san lấp	Công ty CP XD 47	60.560			
142	129/GP-UBND	10/04/2022	đất san lấp	Công ty TNHH TVTKXD Minh Quân	75.983			
143	160/GP-UBND	12/03/2022	đất san lấp	Công ty TNHH Huy Hoàng Thiện	36.500			